

**Điểm mạnh**
**Điểm yếu**

**(1) Phát triển nhanh và mạnh mẽ.** Ngành nhựa Việt Nam khá non trẻ, nhưng lại là ngành dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng nhờ các sản phẩm nhựa được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực như tiêu dùng, thực phẩm, xây dựng, viễn thông,... Tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam giai đoạn 2012-2017 đạt 11,62%. Tập chí Mordor Intelligence Research dự báo ngành nhựa Việt Nam sẽ đạt tốc độ CAGR ở mức 6,63% trong giai đoạn 2018-2023.

**(2) Chi phí nhân công thấp.** Theo tính toán, chi phí nhân công chiếm khoảng 5-6% chi phí sản xuất ngành nhựa. Do đó, chi phí nhân công thấp là một ưu thế giúp các công ty Việt Nam có thể cạnh tranh hơn so với Trung Quốc và Thái Lan trên thị trường xuất khẩu sang Nhật, EU và Mỹ.

**(3) Sản phẩm được xuất khẩu ra nhiều nước.** Sản phẩm nhựa của Việt Nam được xuất khẩu tới nhiều thị trường trên thế giới với kim ngạch ngày càng tăng trưởng, các thị trường chính là thị trường Nhật Bản, EU, Mỹ, Hàn Quốc, Hà Lan,...

**(4) Chưa bị áp thuế chống bán phá giá ở một số thị trường lớn.** Sản phẩm ngành nhựa Việt Nam chưa bị áp thuế chống bán phá giá khi xuất khẩu sản phẩm vào thị trường các nước như EU, Nhật Bản,... qua đó tạo lợi thế cho các sản phẩm nhựa Việt Nam so với sản phẩm nhựa của Trung Quốc, Thái Lan,...

**(1) Gần 85% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu.** Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

**(2) Tỷ giá tác động tới chi phí đầu vào.** Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá “nhạy cảm” với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các doanh nghiệp nhựa.

**(3) Thuế nhập khẩu hạt nhựa tác động lên giá nguyên vật liệu.** Kể từ 01/01/2017, thuế nhập khẩu hạt nhựa PP tăng từ 1 lên 3% sẽ tác động tiêu cực lên biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sử dụng hạt nhựa PPP làm nguyên vật liệu.

**(4) Rào cản gia nhập ngành ở mức thấp.** Do ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ gia nhập ngành này. Hiện có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa, tập trung chủ yếu trong nhóm bao bì và gia dụng.

**(5) Thiếu chính sách hỗ trợ.** Việc thiếu hụt các chính sách phát triển dành riêng cho ngành Nhựa đang khiến các doanh nghiệp trong ngành gặp khó khăn khi mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng; làm suy giảm sức cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế khu vực, thế giới.

**(6) Công nghệ lạc hậu so với mặt bằng chung trên thế giới.** Công nghệ, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của ngành Nhựa Việt Nam hiện còn tương đối lạc hậu so với mặt bằng chung trên thế giới, chủ yếu là các trang thiết bị xuất xứ từ Đài Loan, Trung Quốc...

**Cơ hội**
**Thách thức**

**(1) Nhu cầu sử dụng sản phẩm nhựa bao bì ngày càng tăng.** Mức sống và thu nhập của người dân ngày càng tăng khiến cho nhu cầu sử dụng bao bì nhựa ngày càng tăng. Cụ thể, theo nghiên cứu, năm 2010, khối lượng nhựa sử dụng tính trên đầu người Việt Nam chỉ đạt 33 kg/người/năm thì năm 2018, con số này ước tính lên trên 50 kg/người/năm.

**(2) Dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung.** Các doanh nghiệp ngành nhựa bao bì tập trung tại miền Nam do miền Nam là nơi tập trung của các khu công nghiệp chế biến, đầu ra chủ yếu của ngành nhựa bao bì. Do đó, thị trường sản xuất bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

**(3) Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội.** Các đối tác đang chuyển dần đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường EU và Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.

**(4) Cơ hội gia tăng đơn hàng vào thị trường Mỹ.** Mỹ là thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đứng thứ 2 của Việt Nam sau Nhật Bản, do đó căng thẳng thương mại Mỹ - Trung mở ra cơ hội lớn để các doanh nghiệp nhựa Việt Nam gia tăng đơn hàng vào thị trường này. Tuy nhiên, sản phẩm túi nhựa Việt Nam vẫn đang bị áp thuế chống bán phá giá khá cao ở thị trường Mỹ (52,3% - 76,11%). Trong khi đó, sản phẩm bao dẹt PP xuất khẩu vào Mỹ đang trong quá trình bị khởi kiện.

**(5) Xu hướng sử dụng Bio-Plastic.** Nhu cầu sử dụng những sản phẩm nhựa có nguồn gốc sinh học đang ngày một gia tăng. Hiện tại, nhựa sinh học mới chỉ chiếm 1% tổng sản lượng nhựa toàn cầu, tuy nhiên được dự báo sẽ tăng trưởng từ 15-35%/năm trong giai đoạn 2015-2020. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp bao bì nhựa chuyển đổi công nghệ sang sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

**(6) Xu hướng sử dụng nhựa tái chế.** Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn (70-71%) trong cơ cấu chi phí của các doanh nghiệp ngành nhựa. Hiệp hội nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%.

**(1) Biến động giá nguyên vật liệu, nhân công, tỷ giá và lãi suất có thể làm tăng chi phí sản xuất** của các doanh nghiệp nhựa, qua đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp này, nhất là khi biên lợi nhuận gộp của ngành nhựa bao bì ở mức thấp (~10%).

**(2) Sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp FDI.** Các doanh nghiệp FDI đang có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp này chấp nhận lỗ từ 3 - 5 năm để chiếm lĩnh thị trường, còn doanh nghiệp nội địa chỉ cần lỗ 1, 2 năm có thể phải đóng cửa.

**(3) Nguy cơ bị kiện bán phá giá.** Hàng hóa Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác có nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản,...

**(4) Xu hướng hạn chế sử dụng túi ni lông.** Sản phẩm Túi ni lông tại Việt Nam hiện đang chịu thuế Bảo vệ môi trường 30.000-50.000 đồng/kg, và dự kiến sẽ nâng lên mức 40.000-200.000 đồng/kg, nhằm mục tiêu giảm dần việc sử dụng túi nilon khó phân hủy. Bên cạnh đó, nhiều nước trên thế giới cũng đang áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường cao hoặc thậm chí cấm sản xuất, bán, sử dụng túi nilon. Điều này là thách thức đối với các doanh nghiệp nhựa sử dụng công nghệ lạc hậu.